

PHÂN TÍCH KHỦNG HOẢNG GIÁ GẠO THẾ GIỚI VÀ CÁC HÀM Ý ĐỐI VỚI NGÀNH NƯỚC

GV. ĐÀO VĂN KHIÊM

ThS. BÙI THU HÒA

SV. ĐỖ QUỲNH ANH

Tóm tắt: *Khủng hoảng giá gạo thế giới đầu năm 2008 là sự kiện có tầm ảnh hưởng lớn trên phạm vi toàn cầu. Để có được những giải pháp thích hợp cần có những hiểu biết sâu sắc về bản chất của thị trường gạo quốc tế với sự giúp đỡ của các công cụ phân tích kinh tế hiện đại. Nội dung bài báo này giới thiệu một công cụ mà các nhà kinh tế thế giới hay sử dụng để tìm hiểu bản chất thị trường và rút ra những hàm ý cần thiết, đó là mô hình cung cầu và các công cụ kinh tế lượng kèm theo. Tuy còn đơn giản, nhưng những người viết hy vọng mô hình sẽ cung cấp các kiến thức về thị trường gạo hiện thời một cách có hệ thống để bước đầu có những định hướng phù hợp cho việc đưa ra các quyết định hợp lý.*

I. KHỦNG HOẢNG GIÁ GẠO THẾ GIỚI 2007-2008

Cuộc khủng hoảng giá gạo bắt đầu xuất hiện từ năm 2007 và đạt tới mức nguy kịch vào đầu năm 2008 trên một phạm vi rộng lớn khắp khu vực Đông Nam Á, châu Phi, ảnh hưởng đến cuộc sống khoảng gần 4 tỷ người tiêu dùng gạo. Toàn thế giới trong những ngày vừa qua trải qua những ngày tháng khủng hoảng lương thực nghiêm trọng. Giá các mặt hàng thực phẩm lên giá đến chóng mặt, không những ở các nước đang phát triển ngay cả ở các quốc gia phát triển. Giá lương thực trong vài tháng gần đây thì thực sự nằm ngoài tầm kiểm soát. Trong 12 tháng, giá lương thực tăng trung bình 56%, giá bột mì tăng 92% và gạo - nguồn lương thực của một nửa dân số thế giới - tăng 96%.

Tại sao các nhà kinh tế không thể dự báo được diễn biến của giá gạo trong thời gian vừa qua? Tại sao các tổ chức như Liên hợp quốc, WB, ADB, FAO, ... không đưa ra được những lời cảnh báo? Khi khủng hoảng xảy ra, các quốc gia cũng như các tổ chức tài chính quốc tế đã tiến hành những biện pháp giải quyết nào? Và những biện pháp đó có thực sự hữu hiệu hay không? Theo ý kiến của riêng chúng tôi, những

vấn đề này có thể được làm rõ hơn nếu như chúng ta có những cơ quan phân tích kinh tế hữu hiệu có khả năng áp dụng các công cụ phân tích kinh tế tiên tiến hiện được phổ biến khắp nơi trên thế giới.

Trong nội dung bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một tiếp cận phân tích kinh tế quen thuộc của các nhà kinh tế - phương pháp phân tích cung cầu. Dựa trên tiếp cận này chúng tôi sẽ xây dựng mô hình cung cầu cho gạo trên thị trường quốc tế trong hoàn cảnh hiện nay. Sau đó, chúng tôi sẽ sử dụng mô hình để (i) mô tả diễn biến của giá gạo trong điều kiện tăng chi phí đầu vào của sản xuất lúa gạo, (ii) phân tích các lựa chọn chính sách của các chính phủ để ổn định tình hình trong ngắn hạn, và (iii) các lựa chọn cho các chính sách phát triển lúa gạo trong tương lai. Cuối cùng, chúng tôi trình bày các thông tin cập nhật để kiểm chứng mô hình.

II. SỰ KIẾN

Mô hình lý thuyết kinh tế cho sản xuất lương thực là một mô hình cung cầu cạnh tranh gần như là hoàn hảo. Đối với thị trường cạnh tranh hoàn hảo, các nhà kinh tế đã xây dựng một mô hình kinh tế mà theo đó các lực lượng thị trường dựa trên quan sát về giá cả, có khả năng tự điều

chính để tạo ra cân bằng hiệu quả có tên gọi là hiệu quả Pareto. Kết luận của các nhà kinh tế là đối với những thị trường như vậy, biện pháp tốt nhất của chính phủ là không can thiệp.

Tuy nhiên, trong những ngày qua, thị trường lương thực ở hầu hết các quốc gia đều đến ngưỡng không thể kiểm soát được. Đứng trước nguy cơ mất an ninh nghiêm trọng, không chính phủ nào không thực hiện các biện pháp can thiệp khẩn cấp. Nhiều quốc gia đã mở kho dự trữ lương thực phân phối trực tiếp hoặc bán rẻ lúa gạo cho người nghèo. Nhiều chính phủ của các nước có nền kinh tế phát triển mạnh đã trực tiếp can thiệp vào giá cả thị trường lương thực. Nhiều quốc gia xuất khẩu gạo đã đóng cửa biên giới không xuất khẩu gạo như thường lệ.

Điều gì đã xảy ra với một mô hình thị trường được coi gần như là hoàn hảo. Liệu có những yếu tố nào của thị trường lúa gạo đã bị các nhà kinh tế bỏ sót, không chú ý tới? Và với những mô hình không phù hợp với thực tế, liệu những quyết định của các nhà làm chính sách có được bảo đảm bởi một cơ sở lý luận vững vàng hay không? Đó là một câu hỏi khó khăn thách thức tất cả các nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý thực hành, nhất là trong một hoàn cảnh được dự báo là còn nhiều trắc trở đối với vấn đề lương thực thực phẩm toàn cầu trong những năm sắp tới vì những lý do thay đổi thời tiết khí hậu toàn cầu.

III. NGUYÊN NHÂN KHỦNG HOẢNG VÀ MÔ HÌNH CUNG-CẦU

Mô hình kinh tế vi mô

Mô hình được sử dụng để phân tích là mô hình cung-cầu. Trong kinh tế học, cầu được định nghĩa là mối quan hệ giữa khối lượng hàng hóa (gạo) mà người mua muốn mua (có quan hệ ưa thích rõ ràng) và có khả năng mua (có đường ngân sách phù hợp) với các biến giải thích giá, thu nhập, và một số biến khác. Trong khi cầu được sử dụng để mô tả hành vi của người tiêu dùng, cung là quan hệ giữa khối lượng hàng hóa

bán ra và chi phí của nhà cung cấp, được sử dụng để phản ánh hành vi của các nhà cung cấp. Vì mục đích của bài viết, chúng tôi chỉ xem xét cầu đối với gạo là hàm số của một biến là giá gạo, $D = D(p)$ và cung là hàm của duy nhất biến chi phí $S = S(p)$. Theo quy luật cầu và quy luật cung, cầu tăng khi giá giảm và ngược lại, cho nên $dD/dp < 0$, còn cung tăng khi giá tăng và ngược lại, cho nên $dS/dp > 0$.

Quan sát

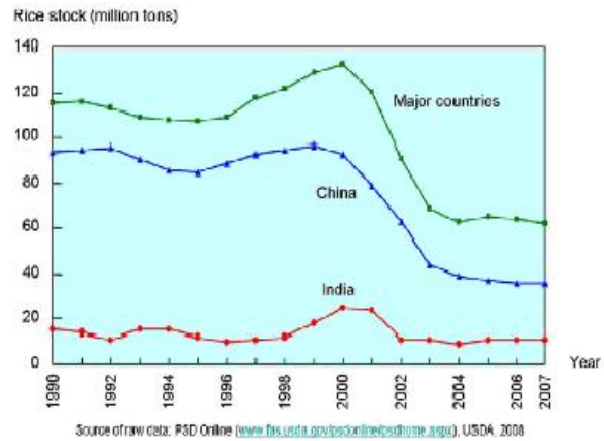
Để xây dựng mô hình kinh tế lượng, tức là mô hình ước lượng bằng các phương pháp hồi quy kinh tế lượng dựa trên các số liệu quan sát, chúng tôi căn cứ vào một số số liệu được các cơ quan quan sát quốc tế cung cấp rộng rãi được thể hiện thông qua một số đồ thị sau đây: Biểu đồ 1 cho thấy tình hình giá gạo tại Bang Kok từ 2001 tới 2008; Biểu đồ thứ 2 cho thấy kho gạo của một số quốc gia lớn trên thế giới từ 1990 đến 2007; Biểu đồ 3 cho biết xu hướng của sản lượng và giá gạo thế giới; Biểu đồ 4 chỉ ra tình hình về năng suất và sản lượng của gạo tại các quốc gia lớn của châu Á.

Phân tích nguyên nhân

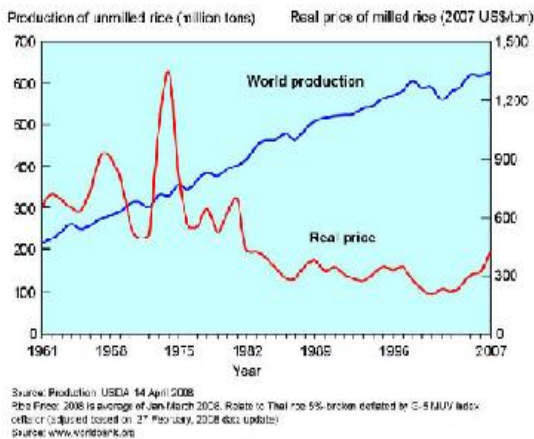
Với các số liệu quan sát, chúng ta có thể thấy trong giai đoạn qua có rất nhiều biến động về cung cấp gạo của thế giới. Các quan sát này khiến cho nhiều nhà kinh tế thấy có một sự giảm cung gạo trên thị trường quốc tế. Nghĩa là, ứng với một sản lượng như trước đây, các nhà cung cấp chỉ đưa ra thị trường khi giá gạo cao hơn nhiều. Nói cách khác, với mức giá như trước, các nhà sản xuất sẽ sản xuất ít gạo hơn. Một trong những lý do trực tiếp có thể là do giá dầu mỏ và các tài nguyên thiên nhiên khan hiếm đã tăng lên rất nhiều so với trước đây. Tức là, để sản xuất ra một khối lượng gạo như trước đây, các nhà sản xuất đã phải mua phân với giá cao hơn do chi phí cho dầu cao hơn, đã phải vận chuyển gạo với chi phí cho nhiên liệu cao hơn, đã phải chạy máy móc sản xuất nông nghiệp, xử lý, bảo quản gạo với chi phí lớn hơn, ...



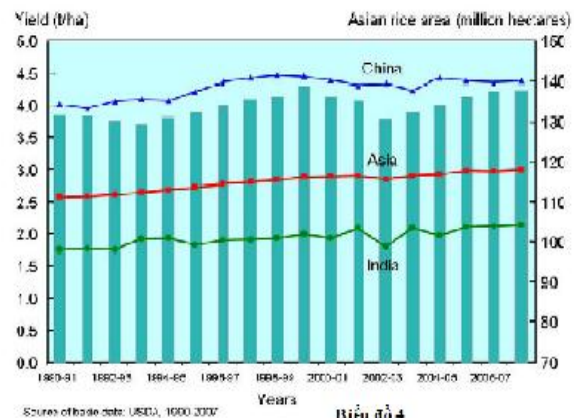
Biểu đồ 1



Biểu đồ 2



Biểu đồ 3

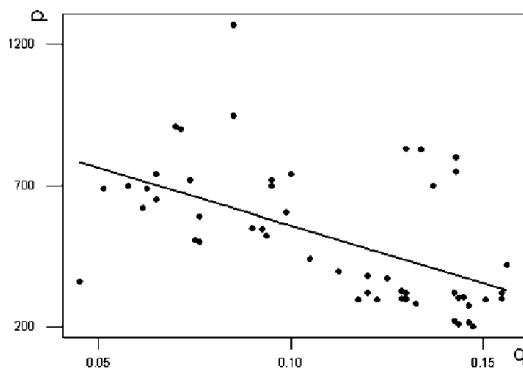


Biểu đồ 4

Mặt khác, không có biến động lớn về cầu gạo thế giới. Trong nhiều năm gần đây không có những biến đổi đặc biệt ảnh hưởng đến các nhân tố quyết định đường cầu gạo thế giới. Những nhân tố ảnh hưởng lớn nhất tới cầu gạo thế giới là số lượng người tiêu dùng gạo và thu nhập của họ. Tuy nhiên, tốc độ tăng dân số, tuy chưa giảm, nhưng không tăng nhanh tới mức ảnh hưởng tới tốc độ tăng của giá gạo. Tốc độ tăng thu nhập của một số quốc gia đang phát triển đã thay đổi đáng kể, tuy nhiên, tốc độ đó cũng chưa góp phần ảnh hưởng đến tăng giá gạo. Để thấy được điều này một cách có chuyên môn hơn, chúng ta có thể thực hiện một số kiểm định hồi quy kinh tế lượng. Các kết quả mà chúng tôi (và có lẽ của nhiều nhà kinh tế khác) là những thay đổi trong các nhân tố trên chưa đủ để giải thích

biến động của giá gạo một cách có ý nghĩa về mặt thống kê. Cũng có lẽ vì vậy, nhiều nhà kinh tế quốc tế không cho rằng có một sự thay đổi trong bản thân hàm cầu đối với gạo.

Với hai nhận xét nói trên, đường cung sụt giảm (và dĩ nhiên là thay đổi) và đường cầu không đổi, chúng ta có thể rút ra phương trình đường cầu từ hồi quy dựa vào các số liệu quan sát thị trường, mà nhẽ ra, trong trường hợp cả cung và cầu đều thay đổi thì sẽ là một bài toán khó hơn nhiều (tuy nhiên, không phải là không thể giải trong điều kiện kỹ thuật kinh tế lượng hiện nay). Kết quả hồi quy của chúng tôi cho các quan sát từ 1961 đến 2005 được trình bày một cách tóm tắt qua Biểu đồ 5 sau đây. Trong báo cáo kết quả, các thống kê t và F đều thỏa mãn các tiêu chuẩn kiểm định.



Regression Analysis: p versus q

The regression equation is
 $p = 968 - 4097 q$

Predictor	Coef	SE Coef	T	P
Constant	968.0	100.3	9.65	0.000
q	-4097.4	870.9	-4.70	0.000

S = 203.1 R-Sq = 30.7% R-Sq(adj) = 29.3%

Analysis of Variance

Source	DF	SS	MS	F	P
Regression	1	912919	912919	22.13	0.000
Residual Error	50	2062219	41244		
Total	51	2975138			

Biểu đồ 5

Tuy nhiên, việc đưa thêm các số liệu quan sát trong thời gian gần đây cho thấy mô hình tuyến tính được ước lượng ở trên tỏ ra không phù hợp. Khi thực hiện các kiểm định thích hợp, kết quả cho thấy có một sự phá vỡ cấu trúc của mô hình cầu. Điều đó cho thấy tại những giá trị sản lượng thấp, đường cầu sẽ không còn tuyến tính như cũ, mà tồn tại một giá trị ngưỡng, mà dưới mức đó, giá sẽ tăng vọt. Điều này được lý giải về mặt lý thuyết bởi tính không thể thay thế được của gạo của những người tiêu dùng gạo. Đại lượng phản ánh tính chất này là độ co giãn cầu theo giá của gạo gần như bằng không. Đối với các lượng thực khác, độ co giãn là lớn hơn, vì những người tiêu dùng các loại lương thực khác có thể thay thế bằng các loại lương thực đa dạng hơn như khoai tây, ngô, ngũ cốc,

Đối với đường cung, chúng ta khó có thể ước lượng được vì số liệu chi phí không được thống kê đầy đủ. Tuy nhiên, đối với mục đích nghiên cứu, chúng ta chỉ cần một đường cung mô tả cũng đủ để thực hiện phân tích. Một điểm lưu ý là, nếu tính đường cung đơn thuần chỉ qua các chi phí tài chính thì đường cung thấp hơn thực tế, vì trong đường cung gạo, nước đóng một vai trò quan trọng, tuy nhiên chi phí của nước không được tính đầy đủ vì nhỡ ra chi phí của nước phải được tính bằng chi phí cơ hội, tức là khối lượng lợi ích của nước phải từ bỏ để cung cấp cho tưới trong quá trình sản xuất gạo. Mô hình cung-cầu của chúng ta được thể hiện trên Biểu đồ 6.

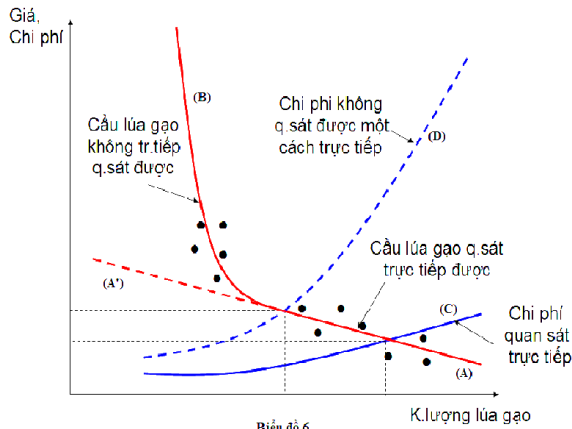
Minh họa

Để minh họa, chúng ta lấy hai trường hợp Việt Nam và Phillippines. Người Việt Nam luôn ý thức được giá trị lớn của gạo qua những thời kỳ khủng hoảng thiếu. Vì vậy, người Việt nhận thức rõ (thậm chí quá rõ) đoạn dốc đi lên của đường cầu gạo khi khối lượng cung cấp gạo xuống thấp (nhánh (B) của đồ thị trên Biểu đồ 6). Tuy nhiên, người Việt không có thói quen đưa tính toán chi phí cơ hội vào hạch toán (có thể thấy rõ trong các tính toán kinh tế của các chuyên gia Việt nam). Vì vậy người Việt coi đường cung gạo là đường (C) chứ không phải đường cung tính tới chi phí cơ hội là đường (D).

Còn đối với người Phillippines, có lẽ họ ít gặp phải những khủng hoảng lương thực trong quá khứ, cho nên họ chỉ quen với đường cầu tuyến tính của gạo như được thể hiện bởi nhánh (A) của đường cầu. Trong tính toán, họ ngoại suy ra nhánh (A') cho các kế hoạch của mình. Nhưng ngược lại, người Phillippines lại quá hiểu về giá trị chi phí cơ hội của cung cấp gạo. Đối với họ, đường cung gạo là đường (D), là đường có tính đến chi phí cơ hội thực sự của sản xuất gạo.

Hậu quả dễ thấy từ mô hình: Đối với người Việt, cân bằng cung cầu là điểm E_V , là giao điểm của các đường cầu (A) + (B), và cung (C) của người Việt; còn đối với người Phillippines, cân bằng cung cầu là E_P , là giao điểm của các đường cầu (A) + (A'), và cung (D) của người Phillippines. Kết luận của mô hình là phù hợp diễn biến thực tế trong thời gian qua: trong

khủng hoảng người Việt không bị động vì thiếu lương thực, nhưng phải trả một chi phí khá lớn cho việc tăng cường sản xuất gạo trong cả một quá trình dài, còn người Phillippines, có lẽ tiết kiệm được chi phí tốn kém của việc sản xuất gạo, nhưng lại phải gánh chịu rủi ro về mặt an ninh do thiếu lương thực.



IV. PHÂN TÍCH MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH

Với mô hình cung cầu gạo có được như trên, chúng ta có thể tiến hành phân tích một số lựa chọn chính sách trong điều kiện giá gạo vẫn còn có nhiều khả năng sẽ cao trong tương lai. Nếu phân tích là phù hợp, mô hình có thể đóng góp vào việc giúp cho các nhà làm chính sách có thêm được các công cụ phân tích trong thực hành.

Giải pháp phân phối: là giải pháp khẩn cấp chỉ sử dụng khi giá không kiểm soát được. Hậu quả xấu kéo theo là nạn chợ đen, đầu cơ, tích trữ. Lý do giải pháp này không thể tồn tại lâu dài vì chi phí cho các hoạt động bảo đảm phân phối một cách đúng đắn là quá cao.

Giải pháp tăng gia sản xuất lương thực: là giải pháp ngắn-hạn, có hiệu lực, nhưng không thể dùng cho dài-hạn vì lý do không có hiệu quả theo quy mô hay hiệu quả do chuyên môn hóa.

Giải pháp Xuất-Nhập khẩu gạo: là giải pháp hữu hiệu ở quy mô lớn, tuy nhiên, trong điều kiện khan hiếm thì quốc gia nhập khẩu sẽ

phải đương đầu với rủi ro an ninh chính trị xã hội. Về xuất khẩu, trong giai đoạn vừa qua, một số quốc gia xuất khẩu gạo lớn như Thái Lan và Việt Nam đã tạm ngừng xuất khẩu gạo. Theo mô hình trên, việc bình ổn giá gạo chỉ đòi hỏi một nỗ lực tương đối nhỏ (vì độ dốc lớn, cho nên việc hạ giá gạo chỉ cần một lượng tăng tương đối nhỏ của sản lượng gạo). Do vậy, việc hạn chế xuất khẩu sẽ làm mất cơ hội bán gạo của những người nông dân của các quốc gia xuất khẩu gạo. Về dài-hạn, chính sách đó càng tỏ ra không phù hợp.

Giải pháp dài-hạn - OREC (Tổ chức các nước xuất khẩu gạo): Thái Lan là quốc gia đã đề xuất thành lập Tổ chức các nước xuất khẩu gạo (OREC) của tiểu vùng sông Mê Kông theo mẫu hình của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Tuy nhiên, phân tích cho thấy, có nhiều điểm không tương đồng giữa hai tổ chức trên. Về mục đích: lý do kiểm soát giá dầu là hợp lý hơn vì đó là tài nguyên cạn kiệt (do vậy tăng giá dầu để thực thi một loại phí có tên “phí cạn kiệt” là hợp lý), nhưng gạo không phải là một tài nguyên cạn kiệt, cho nên khó biện minh cho động cơ kiểm soát giá của OREC. Về mặt tài chính, người tiêu dùng dầu mỏ là những quốc gia giàu có, do vậy tăng giá sẽ mang lại nguồn thu lớn cho OPEC, nhưng những người bị ảnh hưởng bởi giá gạo cao là những người nghèo, đặc biệt là những người nghèo đô thị, cho nên việc tăng giá không mang lại lợi nhuận tài chính cho OREC (và đó là một điều kiện căn bản cho sự tồn tại của tổ chức).

Giải pháp tăng cường đầu tư sản xuất lúa gạo: Một số chuyên gia nông nghiệp, khi được hỏi về giải pháp dài-hạn cho vấn đề khủng hoảng giá gạo, đã đưa ngay đề nghị Chính phủ phải gia tăng đầu tư nông nghiệp cùng với các biện pháp khác như hạn chế chuyển đổi đất đai cho công nghiệp hóa và đô thị hóa, ... Tuy nhiên, như mô hình chỉ ra, điều này không phải là điều kiện đủ. Việc tăng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp dẫn tới gia tăng sử dụng tài nguyên cạn kiệt như dầu mỏ và tài nguyên khan hiếm như nước tưới, và điều đó lại dẫn tới tăng giá

(hay chi phí cơ hội) của các nhân tố sản xuất này, và như mô hình chỉ rõ, đường cung lại bị giảm sút và nguy cơ tăng giá gạo lại sẽ xảy ra. Việc kiểm soát không chuyển đổi đất đai sang phát triển công nghiệp cũng có hậu quả tương tự, trừ phi mở rộng đất đai được thực hiện bằng cách thuê mướn đất đai của các quốc gia có nguồn tài nguyên đất đai phong phú như châu Phi và Nam Mỹ.

V. KẾT LUẬN

Các ý kiến phân tích dựa vào mô hình của chúng tôi đã được thực hiện ngay sau khi có những biến động ban đầu về khủng hoảng giá cả. Gần đây, một số bài tổng kết các bài báo của

các phóng viên trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, như bài trên Global Voices, ngày 12/05/08 đã trích đăng các bài báo liên quan tới khủng hoảng giá gạo vừa qua. Nhiều ý kiến đăng tải trên báo chí khu vực tỏ ra phù hợp với những kết luận của mô hình cung cầu nói trên. Nếu được các nhà phân tích kinh tế phát triển sâu sắc hơn nữa tiếp cận phân tích này, chúng ta sẽ có được nhiều ý kiến có hệ thống để phân tích những tình huống phức tạp của thế giới phát triển ngày nay, chứ không chỉ khủng hoảng giá gạo vừa qua. Tuy nhiên, kết luận có thể khẳng định đầu tiên là các giải pháp phải hướng tới tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và đó là những giải pháp hiệu quả và bền vững hơn cả.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Đào Văn Khiêm, Hội thảo “Giá trị của nước”, ĐH Thủy lợi, 12/5/08
2. Các bài báo của các tờ báo CNN, Times, Global Voices, the Economics, Reuter
3. P. Samuelson. Economics. Mc-GrowHill. USA. 1980.
4. J. Stiglitz. Economics. Mc-GrowHill. USA. 1995.

Abstract

ANALYZING RICE PRICE CRISIS BY SUPPLY-DEMAND MODEL

Rice price crisis in early 2008 is a event having a global significance influences. In order to obtain appropriate solutions, it is necessary to gain some insights into nature of the global rice market with modern analytical economic tools. The content of the article introduces a method used by many economists in order to understand the essence of the market behaviour and to infer needed implications: it is supply-demand models and accompanying econometric models. Although it's still simple, but the authors hope that the model will provide with systematic knowledges about present global rice market to serve the first step to guide the rational decision making

Người phân biện: **ThS. Nguyễn Thế Hòa**